

Số: 135 /QĐ-THCSMTH

Na Sang, ngày 07 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán năm 2025 lần 2**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số: 815/QĐ-UBND ngày 5/11/2025 của UBND xã Na Sang về việc giao dự toán thu chi, chi ngân sách địa phương năm 2025 đối với các cơ quan đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn xã Na Sang (Thời gian thực hiện từ 01/07/2025 đến 31/12/2025);*

*Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường PTDTBT THCS Ma Thì Hồ;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2025 của trường PTDTBT THCS Ma Thì Hồ (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán trường PTDTBT THCS Ma Thì Hồ, các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Đơn vị sử dụng NS (HSCV)
- Website MNMTH
- Lưu KT, VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Cao Thị Oanh**

**Đơn vị: Trường PTDTBT THCS Ma Thì Hồ**  
**Chương: 622**

*Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số  
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018  
của Bộ Tài chính*

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

*(Kèm theo Quyết định số: 135/QĐ-THCSMTH, ngày 07 /11 /2025 của trường  
PTDTBT THCS Ma Thì Hồ)*

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*Đvt: Triệu đồng*

| Số TT     | Nội dung                                            | Dự toán được giao |
|-----------|-----------------------------------------------------|-------------------|
| I         | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách<br>phí, lệ phí      |                   |
| 1         | Số thu phí, lệ phí                                  |                   |
| 1.1       | Lệ phí                                              |                   |
| 1.2       | Phí                                                 |                   |
| 2         | Chi từ nguồn thu phí được để lại                    |                   |
| 2.1       | Chi sự nghiệp .....                                 |                   |
| 2.2       | Chi quản lý hành chính                              |                   |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp NSNN                             |                   |
| 3.1       | Lệ phí                                              |                   |
| 3.2       | Phí                                                 |                   |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>               | <b>6.927,388</b>  |
| 1         | Chi quản lý hành chính                              |                   |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                    | 5.460,700         |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ<br>tự chủ           | 1.466,688         |
| 2         | Nghiên cứu khoa học                                 |                   |
| 3         | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo,<br>dạy nghề        |                   |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                      |                   |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường<br>xuyên             |                   |
| 4         | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia<br>đình           |                   |
| 5         | Chi bảo đảm xã hội                                  |                   |
| 6         | Chi hoạt động kinh tế                               |                   |
| 7         | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                     |                   |
| 8         | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                     |                   |
| 9         | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền<br>hình, thông tấn |                   |
| 10        | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                      |                   |
| 11        | Chi Chương trình mục tiêu                           |                   |